TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HSST
Ngày 19 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị H Thể

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đương và ông Lê Văn Lai

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Kỳ - Cán bộ toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Đại diện viện kiểm sát nhân huyện Đô Lương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2017/HSST ngày 21 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **P T N** - sinh ngày 05/7/1961 tại xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác: Phạm Văn N

Trú tại: Xóm 6, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 07/10; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Con ông: P N H và bà N T T

Vợ N T H – sinh năm 1960 và có 3 con.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: ngày 08/4/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" tại Bản án số 21/2014/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 06/5/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh theo Quyết định cho bảo lĩnh số 06/CSĐT-HS ngày 06/5/2017

Có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: **L D C** - sinh ngày 02/10/1990 tại xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 7, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: sinh viên.

Con ông: L D H và bà T T H

Vợ T T T – sinh năm 1993; có 01 con sinh tháng 5/2017.

Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: ngày 30/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng 24 ngày về tội "Cưỡng đoạt tài sản" tại Bản án số 78/2013/HSST.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 05/4/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh theo Quyết định cho bảo lĩnh số 03/CSĐT-HS ngày 05/4/2017.

Có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: **L T H** - sinh ngày 23/12/1980 tại xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 7, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 05/12; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Con ông: L T N và bà N T N

Vợ N T H – sinh năm 1977 và có 2 con.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 12/4/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh theo Quyết định cho bảo lĩnh số 05/CSĐT-HS ngày 12/4/2017

Có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: **N C Q** - sinh ngày 20/01/1965 tại xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 6, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 10/10; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Con ông: N C C và bà N T H

Vợ L T T – sinh năm 1966 và có 2 con.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 10/4/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Bảo lĩnh theo Quyết định cho bảo lĩnh số 04/CSĐT-HS ngày 10/4/2017

Có mặt tại phiên toà.

5. Họ và tên: **L H T** - sinh ngày 20/01/1992 tại xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 7, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Con ông: L H N và bà L T L

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2017 đến ngày 31/3/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 40/CSĐT-HS ngày 31/3/2017

Có mặt tại phiên toà.

6. Họ và tên: **P V T** - sinh ngày 08/4/1989 tại xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 4, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: làm ruộng.

Con ông: P V T và bà N T X

Vợ T T N – sinh năm 1990 và có 02 con.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2017 đến ngày 28/3/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 39/CSĐT-HS ngày 28/3/2017

7. Họ và tên: **H T P** - sinh ngày 20/4/1992 tại xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Tên gọi khác : không

Trú tại: Xóm 4, xã Đặng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do.

Con ông: H Đ T và bà P T B

Vợ, con: chưa có.

Tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/3/2017 đến ngày 28/3/2017.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 38/CSĐT-HS ngày 28/3/2017.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 24/3/2017, sau khi ăn tối xong, P T N rủ L H T và L D C đánh bài liêng ăn tiền tại phòng khách nhà của N thuộc xóm 6 xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đặt tẩy 10.000 đồng. Đánh đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì có N C Q và L T H cũng đến và tham gia chơi bài ăn tiền cùng N, T và C. Khi N, T, C, Q, H đang sát phạt nhau bằng tiền thì khoảng 21 giờ 30 phút, H T P và P V T cũng nhập hội chơi. Cả bọn chơi đến lúc 22 giờ 15 phút ngày 24/3/2017 thì bị tổ công tác cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đô Lương bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc các tang vật: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, số tiền 5.060.000 đồng trên chiếu, 01 chiếc chiếu nhựa màu vàng đỏ và 200.000 đồng trong người P V T.

Các đối tượng khai nhận đã dùng và sẽ dùng số tiền vào mục đích đánh bạc như sau: N (460.000 đồng), H (1.440.000 đồng), C (550.000 đồng), T (750.000

đồng), Q (1.100.000 đồng), P (430.000 đồng), T (530.000 đồng). Như vậy, tổng cộng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.260.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 47/VKS-HS ngày 20/3/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An truy tố các bị cáo P T N, L D C, L H T, L T H, N C Q, H T P và P V T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Đánh bạc và đề nghị:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự ; xử phạt bị cáo P T N từ 4 tháng đến 5 tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; điểm x khoản 1 điều 51; khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết 144/2016/QH13; xử phạt L D C từ 3 tháng đến 4 tháng tù.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; xử phạt các bị cáo L H T, L T H, H T P, N C Q, P V T từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Miễn hình phạt phụ là hình phạt tiền cho các bị cáo.

Về biện pháp tư pháp : áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS, điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 5.260.000 đồng ; áp dụng điểm a, đ khoản 2 điều 76 BLTTHS tịch thu tiêu hủy một bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ - vàng.

- Các bị cáo P T N, L D C, L T H, L H T, H T P, N C Q, P V T thừa nhận: Vào buổi tối ngày 24/3/2017, tại nhà riêng của N ở xóm 6 xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, N, C, T rủ nhau đánh bài Tiến lên miền Nam, thắng 10.000 đồng ; sau khi đánh được 2 ván bài Tiến lên miền Nam thì có Q, H đến tham gia nên N, C, T, Q, H đã thống nhất với nhau chơi bài Liêng ăn tiền, đặt tẩy 10.000 đồng. Sau đó, có thêm P và T cũng nhập hội chơi. Cả 7 đối tượng đánh bạc đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì bị tổ tuần tra Công an huyện Đô Lương bắt quả tang, tang vật thu giữ tại chiếu bạc, 5.060.000 đồng cùng 01 bộ bài tú lơ khơ; ngày 25/4/2017 T tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng sử dụng vào mục đích đánh bạc tại cơ quan điều tra. Cụ thể số tiền đánh bạc mà các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là: N (460.000 đồng), H (1.440.000 đồng), C (550.000 đồng), T (750.000 đồng), Q (1.100.000 đồng), P (430.000 đồng), T (530.000 đồng). Tổng số tiền mà 7 bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.260.000 đồng. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên toà hôm nay các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã truy tố.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án thì đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào khoảng từ 21 giờ đến 22 giờ 15 phút, ngày 23 tháng 4 năm 2017, tại nhà riêng của P T N (thuộc xóm 6, xã Nam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An), các bị cáo P T N, L D C, L H T, N C Q, L T H, H T P và P V T đã có hành vi đánh bài "Liêng", sát phạt nhau bằng tiền với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.260.000 đồng. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Hành vi đó của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự như truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương.

Đối với hành vi đánh bài ăn tiền bằng hình thức Tiến lên miền Nam mà bị cáo N, T và C thực hiện đã chấm dứt trước khi chuyển sang đánh hình thức Liêng với sự có mặt của H và Q, Hội đồng xét xử thấy: đây là hành vi đánh bạc độc lập với hành vi đánh bài Liêng ăn tiền và được xem là một lần đánh bạc của N, T, C. Tuy nhiên, do số tiền đánh bạc là 1.760.000 đồng, dưới mức tối thiểu (C: 550.000 đồng; N: 460.000 đồng; T: 750.000 đồng) nên hành vi này không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Xét tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm ít nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an trên địa bàn. Trong tình hình hiện nay, tệ nạn đánh bạc đang gây nên nỗi bức xúc cho toàn xã hội, làm ảnh hưởng đến thuần P mỹ tục và ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của bản thân, gia đình và xã hội. Mặc dù số tiền đánh bạc không lớn nhưng do hình thức đánh bài Liêng có tính sát phạt cao nên cần phải xét xử nghiêm nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội của cả hệ thống chính trị. Tuy nhiên, cần xem xét đến vai trò, trách nhiệm, nhân thân của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt sát đúng:

Bị cáo P T N vừa là người thực hành tích cực (tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối) đồng thời cũng là người giúp sức cho các bị cáo khác đánh bạc (sử dụng nhà của mình làm địa điểm đánh bạc) nên mặc dù số tiền dùng đánh bạc ít (460.000 đồng) nhưng phải chịu trách nhiệm chính và cao nhất trong vụ án. Bị cáo có nhân thân xấu: ngày 08/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục sa vào con đường phạm tội. Do vậy, cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Nhưng xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo và khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã tỏ ra ăn năn hối cải (2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14), bị cáo có thời gian tham gia quân ngũ từ năm 1979-1983 (khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự) nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan H của pháp luật.

Bị cáo L D C, L H T, L T H và N C Q là người thực hành tích cực, tham gia đánh bạc từ đầu đến cuối với số tiền đánh bạc tương ứng 550.000 đồng –

750.000 đồng – 1.440.000 đồng – 1.100.000 đồng nên phải chịu trách nhiệm hình sự thứ hai và ngang nhau trong vụ án.

Bị cáo H T P (sử dụng số tiền đánh bạc là 430.000), P V T (sử dụng số tiền đánh bạc là 530.000) với thời gian đánh bạc ít hơn so với các bị cáo khác nên chịu trách nhiệm hình sự thấp nhất và ngang nhau trong vụ án.

Bị cáo C có nhân thân xấu: ngày 30/12/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Đô Lương xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản" nên cũng cần xét xử nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Nhưng cũng cần xét bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: thành khẩn khai báo và khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã tỏ ra ăn năn hối cải (2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14), bố bị cáo ông L D H là người có công với cách mạng (theo quy định tại điểm x khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14) nên xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo T, H, Q, P, T có nhiều tình tiết giảm nhẹ: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (điểm h khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự); thành khẩn khai báo và khi nhận thức được hành vi phạm tội của mình đã tỏ ra ăn năn hối cải (2 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 điều 46 Bộ luật hình sự 1999 và điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14). Bố bị cáo H là ông L T N là người có công với cách mạng (điểm x khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14). Bị cáo T có ông nội là L H N là người có công với cách mạng (khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999). Bị cáo Q ra đầu thú ngày 25/3/2017 và có thời gian tham gia quân ngũ từ năm 1983 – 1986, (khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999). Do vậy, Hội đồng xét xử xét chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo là đủ nghiêm.

Về hình phạt bổ sung: xét các bị cáo không có tài sản riêng có giá trị nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án:

Số tiền 5.260.000 đồng (đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đô Lương) là vật phạm pháp nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

01 bộ bài túlơkhơ (52 quân bài) và 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ - vàng đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Về các vấn đề khác:

Anh Trần Văn Sơn là người có mặt lúc các bị cáo đang sát phạt nhau bằng tiền nhưng không có hành vi gì giúp sức cho các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Các bị cáo trình bày: bị cáo P có ông nội là H N được Ban chấp hành trung ương Đảng tặng "Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng", có bà ngoại P T K được Bộ giáo dục và đào tạo tặng "Huy chương vì sự nghiệp giáo dục"; bị cáo T có bà ngoại N T C được Ban chấp hành trung ương Đảng tặng "Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng";

bị cáo có bố vợ L T C được Bộ Lâm nghiệp tặng thưởng "Huy chương vì sự nghiệp bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam" và giấy khen của Sở Lâm nghiệp Nghệ An. Tuy nhiên, đây không được xem là các tình tiết được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không áp dụng khi xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo P T N, L D C, L H T, N C Q, L T H, H T P, P V T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo P T N, L D C, L H T, N C Q, L T H, H T P, P V T phạm tội "**Đánh bạc**".

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14

Xử phạt bị cáo P T N **04** tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 06/5/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999; điểm s, x khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14.

Xử phạt bị cáo L D C **03** tháng tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/3/2017 đến ngày 05/4/2017. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 30 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14.

Xử phạt tiền bị cáo L H T **6.000.000** (Sáu triệu) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo N C Q **6.000.000** (Sáu triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điều 30 Bộ luật hình sự 1999; điểm s, x khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14.

Xử phạt tiền bị cáo L T H **6.000.000** (Sáu triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46; điều 30 Bộ luật hình sự 1999; điểm s khoản 1 điều 51, khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự 2015, Nghị quyết 41/2017/QH14.

Xử phạt tiền bị cáo H T P **5.000.000** (Năm triệu) đồng.

Xử phạt tiền bị cáo P V T **5.000.000** (Năm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong toàn bộ số tiền phạt, các bị cáo L H T, L T H, H T P, N C Q, P V T còn phải chịu khoản tiền lãi với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền chưa thi hành án.

* Về vật chứng : Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự :

Tịch thu số tiền dùng vào việc đánh bạc 5.260.000 đồng sung quỹ Nhà nước (Theo Biên lai thu tiền số 0001732 ngày 24/5/2017 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2017).

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài túlơkhơ (gồm 52 quân bài) và 01 chiếc chiếu nhựa màu đỏ - vàng đã qua sử dụng, không còn giá trị sử dụng (đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án huyện Đô Lương theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/5/2017).

* Về án phí: các bị cáo P T N, L D C, L H T, N C Q, L T H, H T P, P V T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lưu Thị H Thể

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng
- VKSND huyện Đô Lương
- Công an huyện Đô Lương
- THA dân sự, THA hình sự.
- Lưu HS vụ án.